

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HS-ST

Ngày: 12-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ hình sự án thụ lý số 42/2021/TLST–HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Thị Kiều T, sinh năm 1992, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có chồng và một người con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay. “có mặt”

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Hồ Nam, Văn phòng Luật sư Trần Nam, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. “có mặt”

- Người bị hại: Trần Thị Trúc M, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1966, nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

2. Anh Huỳnh Hữu Tr, sinh năm 1993, nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, nơi cư trú: Ấp Thủy Tây, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

4. Trương Thị Yến Tr, sinh năm 1988, địa chỉ: đường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. “vắng mặt”

5. Anh Lê Minh Th, sinh năm 1986, địa chỉ ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo T là con dâu của bà M và sinh sống chung nhà với bà M. Trong thời gian sống chung, bị cáo T nhìn thấy bà M cất giữ vàng trong tủ cây ở nhà trên và để chìa khóa trong hộc tủ nhựa phía sau nhà. Do bị cáo T tham gia đầu tư vào đồng tiền ảo Bitcoin trên mạng internet thua lỗ nên nảy sinh ý định lấy trộm vàng của bà M, bán lấy tiền tiếp tục đầu tư. Trong thời gian tháng 02 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020, bị cáo T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp vàng của bà M. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 9 giờ, trong tháng 02/2019, lợi dụng lúc gia đình bà M đi vắng, bị cáo T ở nhà một mình nên nảy sinh ý định lấy trộm vàng, bị cáo lấy chìa khóa để trong hộc tủ nhựa, mở cửa bên trái của tủ cây. Do đã nhìn thấy bà M cất vàng trong máy radio cũ, để trong hộp bằng thiết có nắp đậy nên bị cáo T lấy hộp thiết mang ra phía sau nhà, dùng 01 cây vít loại dài 13,5 cm, cán màu xanh, thân bằng kim loại tròn dài, đầu cây có hình dấu cộng cạy nắp hộp, lấy radio cũ, rồi tiếp tục lấy cây vít mở các ốc khóa trên radio, bị cáo lấy trộm 10 chỉ vàng miếng SJC và 05 chiếc nhẫn loại mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24K được để bên trong radio, sau đó, vặn khóa các ốc, để radio vào hộp thiết, đặt lại vào tủ như vị trí ban đầu. Số vàng vừa trộm được, bị cáo T đem cất giấu vào túi quần Jean màu xanh của bị cáo, treo trên xà ở trong phòng ngủ. Trong thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2019, bị cáo T đã nhiều lần đem vàng đã lấy trộm đến bán tại tiệm vàng T1 của bà Võ Thị Kiều T1, sinh năm 1976, địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C và tiệm vàng K của bà Ngô Thị Th, sinh năm 1960, địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, được số tiền 119.000.000 đồng, tất cả số tiền có được bị cáo chuyển vào số tài khoản mang tên Trương Thị Yến Tr, được mở tại ngân hàng Techcombank và Vietcombank, và chuyển tiền qua hệ hống Viettelpay, các tài khoản trên đều do Trang quản lý, đầu tư đồng tiền ảo Bitcoin, đã thua lỗ hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ, trong tháng 02/2020, bị cáo T lấy chìa khóa, mở của tủ bên phải của tủ cây đã lấy trộm lần 1. Bị cáo T mở hộc tủ cây đặt ở ngăn giữa của tủ, bên trong có nhiều hộp loại đựng vàng, bị cáo lấy trộm các loại vàng bên trong hộp, gồm: 01 mặt dây chuyền hình trái tim; 01 lắc tay có mặt hình tròn,

găng hột xoàn tám; 01 dây chuyền có mặt hột đá dài, loại dây xoắn; 01 dây chuyền khoen lật nhuyển có mặt hình trái tim, hột xoàn nhụy; 01 dây chuyền dây xoắn có mặt hột tám hình thoi, có khắc chữ phúc; 01 cà rá hột ngọc trai. Sau đó, bị cáo T tiếp tục đi ra phía nhà sau, lấy trộm 01 lắc tay kiểu mặt bông mai và 01 lắc tay có 03 hột cẩm thạch của bà M để trong túi quần dài treo trên xào quần áo. Số vàng trộm cắp được, bị cáo T mang cất giấu vào túi quần Jean màu xanh của bị cáo treo trên xào ở trong phòng ngủ. Sau đó, bị cáo T đem 01 mặt dây chuyền hình trái tim đến cầm tại tiệm vàng Đ của chị Nguyễn Thụy Kim U, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang được số tiền 3.500.000 đồng; tất cả số vàng còn lại bị cáo T đem cầm tại tiệm vàng K của bà Ngô Thị Th, sinh năm 1960, địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang được số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc cầm vàng, bị cáo T đem đầu tư vào đồng tiền ảo Bitcoin, thua lỗ hết.

Đến ngày 16/4/2020, bị cáo T bỏ đi khỏi nhà, để lại 03 giấy biên nhận cầm vàng và lá thư viết tay thừa nhận hành vi trộm cắp vàng của bà M.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 mặt dây chuyền hình trái tim; 01 lắc tay có mặt hình tròn, găng hột xoàn tám; 01 dây chuyền có mặt hột đá dài, loại dây xoắn; 01 dây chuyền khoen lật nhuyển có mặt hình trái tim, hột xoàn nhụy; 01 dây chuyền dây xoắn có mặt hột tám hình thoi, có khắc chữ phúc; 01 cà rá hột ngọc trai; 01 lắc tay kiểu mặt bông mai; 01 lắc tay có 03 hột cẩm thạch; 01 cây vích dài 13,5 cm, cán màu xanh, thân bằng kim loại tròn dài, đầu cây có hình dấu cộng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Lê Thị Kiều T số thẻ 9704050999496206; 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank tên Trương Thị Yến Tr số thẻ 4221498662432377; 01 sổ hộ khẩu gia đình số 474 chủ hộ Huỳnh Văn N.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định:

Tài sản là vàng Trang lấy trộm vào tháng 02/2019 (10 chỉ vàng miếng SJC và 05 chiếc nhẫn loại mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24K), trị giá: 128.000.000 đồng.

Tài sản là vàng Trang lấy trộm vào tháng 02/2020 (01 mặt dây chuyền hình trái tim; 01 lắc tay có mặt hình tròn, găng hột xoàn tám; 01 dây chuyền có mặt hột đá dài, loại dây xoắn; 01 dây chuyền khoen lật nhuyển có mặt hình trái tim, hột xoàn nhụy; 01 dây chuyền dây xoắn có mặt hột tám hình thoi, có khắc chữ phúc; 01 cà rá hột ngọc trai; 01 lắc tay kiểu mặt bông mai; 01 lắc tay có 03 hột cẩm thạch), trị giá: 31.662.600 đồng.

Ngày 26/02/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Trần Thị Trúc M số vàng đã thu giữ và 01 sổ hộ khẩu gia đình số 474 chủ hộ Huỳnh Văn N.

Bà Trần Thị Trúc M yêu cầu bị cáo T bồi thường số vàng 47 chỉ vàng (10 chỉ vàng miếng SJC và 37 chỉ vàng 24K). Nếu không chấp nhận thì bà yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ông Niềm cũng thống nhất với lời trình bày của bà M.

Quá trình điều tra bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng, bà L là mẹ ruột bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng, để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Bà L đã bồi thường cho bà Ngô Thị Th số tiền 26.185.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thụy Kim U số tiền 3.777.000 đồng là số tiền bị can đã nhận khi cầm vàng. Hiện, bà Thành, bà Uyên không yêu cầu gì thêm. Bà L cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại tiền cho bà.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKSHCL ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy đã truy tố bị cáo Lê Thị Kiều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Khẳng định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy đúng quy định của pháp luật nên giữ y quyết định truy tố. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Kiều T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 3 năm 6 tháng tù đến 4 năm tù.

Xử lý vật chứng: 01 cây vích dài 13,5 cm, cán màu xanh, thân bằng kim loại tròn dài, đầu cây có hình dấu cộng là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Lê Thị Kiều T số thẻ 9704050999496206; 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank tên Trương Thị Yến Tr số thẻ 4221498662432377 là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 150.000.000 đồng, để đảm bảo việc thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà M 10 chỉ vàng miếng SJC và 25 chỉ vàng 24K.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi của bị cáo đã rõ. Do đó, thống nhất với việc truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản; thống nhất giá trị tài sản theo Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cai Lậy. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Mục đích phạm tội cũng chỉ vì làm ăn thua lỗ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị cho bị cáo bồi thường bằng tiền. Không chấp nhận yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung của bà M, vì quá trình điều tra, truy tố không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Sau thời gian bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo nhận thấy mình có lỗi, vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa sẽ không tái phạm. Do đó, kính mong

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề sớm về với gia đình và đi làm nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng liên quan đến chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Kiều T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời theo Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cai Lậy, xác định được tổng trị giá các tài sản mà bị cáo T trộm cắp là 159.662.600 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Thị Kiều T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét, hành vi của bị cáo T trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án nên cần phải xử lý nghiêm.

[3] Xét, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà M yêu cầu bị cáo T bồi thường 10 chỉ vàng SJC và 37 chỉ vàng 24K là không có cơ sở vì không có chứng cứ chứng minh, mà chỉ có chứng cứ chứng minh được bị cáo T chiếm đoạt số vàng lần đầu là 10 chỉ vàng miếng SJC và 25 chỉ vàng 24K.

[6] Xét bà M yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thấy: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và cũng không bỏ sót tình tiết nào của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà M.

[7] Về vật chứng:

Xét, 01 cây vích dài 13,5 cm, cán màu xanh, thân bằng kim loại tròn dài, đầu cây có hình dấu cộng là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Xét, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Lê Thị Kiều T số thẻ 9704050999496206; 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank tên Trương Thị Yến Tr số thẻ 4221498662432377 là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 150.000.000 đồng, để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo như phân tích ở trên.

[10] Bản cáo trạng số 41/CT-VKSHCL ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy đã truy tố bị cáo Lê Thị Kiều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là quá nặng so với tính chất, mức độ của hành vi, mục đích phạm tội, cũng như nhân thân của bị cáo T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kiều T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều T 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 cây vích dài 13,5 cm, cán màu xanh, thân bằng kim loại tròn dài, đầu cây có hình dấu cộng.

2.2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), để đảm bảo việc thi hành án.

2.3. Trả lại cho bị cáo Lê Thị Kiều T 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Lê Thị Kiều T số thẻ 9704050999496206; 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank tên Trương Thị Yến Tr số thẻ 4221498662432377.

Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quản lý (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự và hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Lê Thị Kiều T bồi thường cho bà Trần Thị Trúc M 10 (Mười) chỉ vàng miếng SJC và 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24K.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Kiều T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức